VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CC

Số: 49 /TB-HĐTD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2022

THÔNG BÁO
Kết quả thi tuyển công chức ngành Kiểm sát nhân dân năm 2021 (vòng 1) và hướng dẫn phúc khảo

Thực hiện Kế hoạch số 61/KH-VKSTC ngày 10/11/2021 của VKSND tối cao về thi tuyển công chức ngành KSND năm 2021. Căn cứ kết quả chấm thi, Hội đồng thi tuyển công chức VKSND tối cao thông báo kết quả thi tuyển công chức ngành Kiểm sát nhân dân năm 2021 vòng 1 để thí sinh biết. Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi. Những thí sinh dự thi tuyển trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì được tiếp tục dự thi vòng 2 *(Có danh sách kèm theo)*.

Trên cơ sở kết quả thi tuyển (vòng 1) các thí sinh dự thi có quyền làm đơn đề nghị phúc khảo gửi Hội đồng thi tuyển công chức VKSND tối cao (qua Vụ Tổ chức cán bộ). Thời hạn nhận đơn phúc khảo trong 15 ngày kể từ ngày đăng Thông báo kết quả thi trên cổng thông tin điện tử của VKSND tối cao (nếu đơn được gửi theo đường bưu điện thì tính từ ngày gửi đơn theo dấu bưu điện trên phong bì). Không phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng Thư điện tử, Fax, Telex. *Địa chỉ nhận đơn: Số 9 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.*

Thông báo được đăng tải trên trang thông tin điện tử VKSND tối cao tại địa chỉ: http://www.vksndtc.gov.vn.

Lệ phí phúc khảo bài thi: 150.000đồng/bài thi (theo quy định tại Thông tư số 92/2001/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính) và đề nghị gửi về số tài khoản 12310000709843 ngân hàng BIDV chi nhánh Quang Trung, quận Hoàn Kiếm Hà Nội (Tên chủ tài khoản Bùi Thị Lan Anh).

Hội đồng thi tuyển công chức VKSND tối cao thông báo để thí sinh dự thi được biết. Đề nghị Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội tải thông tin, danh sách kết quả điểm thi, đăng trên trang thông tin điện tử của Trường, đồng thời thông báo tới các thí sinh dự thi được biết./.

Nơi nhận:
- Viện trưởng KSNDTC (để báo cáo);
- Chủ tịch HĐTT;
- Thành viên HĐTT;
- Trường ĐHKSHN;
- Các ban giúp việc HĐTT;
- Trang tin điện tử VKSNDTC;
- Lưu: V15, HĐTT .

TL. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
ỦY VIÊN KIÊM THƯ KÝ

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Nguyễn Văn Minh
PHÓ VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CC

Số: 15 /QĐ-HĐTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
V/v công nhận kết quả thi tuyển công chức ngành Kiểm sát nhân dân năm 2021 (vòng 1)

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Căn cứ Quy chế tuyển dụng công chức Viện kiểm sát nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 401/QĐ-VKSTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Căn cứ Kế hoạch số 61/KH-VKSTC ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về thi tuyển công chức ngành Kiểm sát nhân dân năm 2021;

Căn cứ kết quả chấm thi tuyển công chức (vòng 1) ngành Kiểm sát nhân dân năm 2021;

Xét đề nghị của Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi tuyển công chức ngành Kiểm sát nhân dân năm 2021 (vòng 1) đối với 751 (Bảy trăm năm mươi mốt) thí sinh *(Có danh sách và kết quả thi kèm theo).*

Điều 2. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thành viên Hội đồng thi tuyển công chức và các thí sinh có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Đ/c Viện trưởng VKSNDTC (để báo cáo);
- Thành viên HĐTTCC;
- Ban giám sát;
- Lưu: V15, HĐTTCC.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Quang Dũng
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CÔNG CHỨC NGÀNH KSND NĂM 2021 (VÒNG 1)

(Kèm theo Quyết định số: 15/QĐ-HĐTT ngày 18/5/2022 của Hội đồng thi tuyển công chức năm 2021)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Kết quả thi												Ghi chú
							Tin học				Ngoại ngữ				Kiến thức chung				
							Số câu đúng	Số câu sai	Tỷ lệ câu đúng (%)	Đạt/ Không đạt	Số câu đúng	Số câu sai	Tỷ lệ câu đúng (%)	Đạt/ Không đạt	Số câu đúng	Số câu sai	Tỷ lệ câu đúng (%)	Đạt/ Không đạt	
1	008	Thào A Ái	04/5/1997	Nam	H'Mông	Điện Biên	15	15	50.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
2	009	Lê Duy An	03/5/1996	Nam	Kinh	Thái Bình	21	9	70.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
3	010	Đặng Đức An	26/6/1998	Nam	Kinh	Quảng Ninh	24	6	80.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
4	011	Trần Thế An	24/8/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	22	8	73.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
5	012	Nguyễn Thị An	15/11/1997	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	20	10	66.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
6	013	Mai Hoàng Thùy An	14/7/1999	Nữ	Nùng	Nam Định	18	12	60.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
7	014	Nguyễn Thành An	24/8/1999	Nam	Kinh	Quảng Bình	17	13	56.67	Đạt	26	4	86.67	Đạt	42	18	70.00	Đạt	
8	016	Nguyễn Hoàng Anh	15/8/1997	Nam	Kinh	Nghệ An	23	7	76.67	Đạt	27	3	90.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
9	017	Lê Đức Anh	01/8/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	23	7	76.67	Đạt	27	3	90.00	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
10	018	Nguyễn Duy Anh	07/111996	Nam	Kinh	Bắc Giang	18	12	60.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
11	019	Trần Tiến Việt Anh	22/12/1998	Nam	Kinh	Hải Phòng	20	10	66.67	Đạt	Miễn thi		#####	Đạt	47	13	78.33	Đạt	Miễn thi NN
12	022	Nguyễn Thị Hà Anh	05/3/1997	Nữ	Tày	Lạng Sơn	20	10	66.67	Đạt	28	2	93.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
13	024	Nguyễn Thị Tú Anh	02/9/1997	Nữ	Dao	Phú Thọ	21	9	70.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
14	025	Lê Trung Anh	15/6/1997	Nam	Tày	Hà Nội	22	8	73.33	Đạt	15	15	50.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	

15	026	Phạm Thị Châu Anh	24/3/1998	Nữ	Kinh	Nam Định	19	11	63.33	Đạt	28	2	93.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
16	028	Trần Quế Anh	26/11/1998	Nữ	Kinh	Phú Yên	23	7	76.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
17	029	Lã Phúc Anh	09/8/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	18	12	60.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
18	031	Đỗ Tuấn Anh	19/3/1998	Nam	Kinh	Nam Định	23	7	76.67	Đạt	27	3	90.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
19	032	Phạm Lê Tùng Anh	04/8/1997	Nam	Kinh	Hưng Yên	21	9	70.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
20	033	Nguyễn Thị Vân Anh	13/9/1997	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	17	13	56.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
21	034	Nguyễn Thái Anh	18/10/1997	Nam	Kinh	Hưng Yên	24	6	80.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
22	035	Vi Thị Lan Anh	05/12/1996	Nữ	Kinh	Phú Thọ	22	8	73.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
23	036	Nguyễn Thị Việt Anh	11/10/1998	Nữ	Kinh	Hưng Yên	20	10	66.67	Đạt	28	2	93.33	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
24	037	Nguyễn Quỳnh Anh	13/9/1998	Nữ	Tày	Lạng Sơn	10	20	33.33	Không đạt	14	16	46.67	Không đạt	46	14	76.67	Đạt	
25	040	Nguyễn Thị Vân Anh	16/8/1997	Nữ	Kinh	Hải Dương	23	7	76.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
26	042	Nguyễn Thị Anh	21/11/1998	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	16	14	53.33	Đạt	28	2	93.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
27	045	Bùi Thị Quế Anh	4/10/1999	Nữ	Kinh	Thái Bình	23	7	76.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
28	046	Trần Thảo Anh	17/10/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
29	047	Lê Thị Quỳnh Anh	14/12/1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	23	7	76.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
30	048	Nguyễn Thị Vân Anh	25/10/1999	Nữ	Kinh	Bắc Giang	17	13	56.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
31	049	Nguyễn Trọng Anh	10/01/1997	Nam	Kinh	Bình Định	17	13	56.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
32	050	Lê Huy Anh	24/12/1999	Nam	Tày	Lạng Sơn	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
33	051	Nguyễn Thế Anh	23/5/1999	Nam	Tày	Cao Bằng	19	11	63.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
34	052	Lê Tiến Anh	26/08/1999	Nam	Thái	Điện Biên	21	9	70.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
35	053	Lê Đức Anh	04/6/1999	Nam	Kinh	Hải Dương	19	11	63.33	Đạt	27	3	90.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
36	054	Nguyễn Văn Hoàng Anh	04/10/1999	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	22	8	73.33	Đạt	25	5	83.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
37	055	Đỗ Duy Anh	20/02/1998	Nam	Kinh	Nam Định	16	14	53.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
38	056	Hoàng Lê Tuấn Anh	19/9/1999	Nam	Kinh	Nghệ An	20	10	66.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	

39	057	Lê Tuấn Anh	05/2/1999	Nam	Kinh	Phú Thọ	21	9	70.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
40	058	Nguyễn Bảo Anh	08/5/1986	Nam	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	16	14	53.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
41	059	Ngô Ngọc Ánh	10/9/1996	Nam	Kinh	Nam Định	18	12	60.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
42	060	Đinh Thị Ngọc Ánh	13/02/1997	Nữ	Kinh	Hà Nội	16	14	53.33	Đạt	17	13	56.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
43	061	Đỗ Trần Hồng Ánh	05/02/1997	Nữ	Kinh	Thái Bình	22	8	73.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
44	062	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/6/1997	Nữ	Kinh	Phú Yên	19	11	63.33	Đạt	26	4	86.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
45	063	Nguyễn Ngọc Ánh	30/4/1996	Nữ	Kinh	Trà Vinh	21	9	70.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
46	064	Quách Thị Ngọc Ánh	04/10/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	24	6	80.00	Đạt	26	4	86.67	Đạt	56	4	93.33	Đạt	
47	065	Hà Minh Ánh	13/4/1999	Nữ	Mường	Phú Thọ	19	11	63.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
48	066	Lê Thị Ngọc Ánh	29/4/1999	Nữ	Kinh	Nghệ An	17	13	56.67	Đạt	27	3	90.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
49	068	Nguyễn Thế Bách	24/02/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	19	11	63.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
50	069	K' Ban	13/11/1995	Nam	Mạ	Đăk Nông	16	14	53.33	Đạt	8	22	26.67	Không đạt	46	14	76.67	Đạt	
51	070	K' Bảo	01/9/1997	Nam	M'Nông	Đăk Nông	17	13	56.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
52	071	Huỳnh Tấn Hoài Bão	16/8/1999	Nam	Kinh	Kiên Giang	19	11	63.33	Đạt	25	5	83.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
53	072	Nguyễn Hải Bắc	05/11/1997	Nam	Kinh	Vĩnh Long	22	8	73.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
54	073	Nguyễn Văn Bắc	15/9/1998	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	21	9	70.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	57	3	95.00	Đạt	
55	074	Lý Văn Bằng	02/9/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	20	10	66.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
56	075	Bùi Khoa Bằng	12/7/1998	Nam	Kinh	Quảng Ninh	19	11	63.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
57	076	Chu Thị Bích	26/04/1999	Nữ	Tày	Lạng Sơn	14	16	46.67	Không đạt	19	11	63.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
58	078	Phạm Văn Bình	01/12/1997	Nam	Kinh	Quảng Bình	20	10	66.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
59	079	Trương Công Bình	26/10/1998	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	22	8	73.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
60	080	Đặng Thị Thanh Bình	14/12/1997	Nữ	Kinh	Nghệ An	19	11	63.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
61	081	Phạm Thị Bình	12/8/1997	Nữ	kinh	Hà Tĩnh	17	13	56.67	Đạt	11	19	36.67	Không đạt	48	12	80.00	Đạt	
62	082	Lưu Thanh Bình	26/11/1996	Nam	Kinh	Thanh Hóa	20	10	66.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	

63	083	Lê Đình Bình	24/4/1998	Nam	Kinh	Thanh Hóa	12	18	40.00	Không đạt	17	13	56.67	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
64	084	Ngô Gia Bình	22/02/1999	Nam	Kinh	Gia Lai	11	19	36.67	Không đạt	19	11	63.33	Đạt	34	26	56.67	Đạt	
65	086	Sồng A Câu	19/11/1999	Nam	Mông	Sơn La	13	17	43.33	Không đạt	15	15	50.00	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
66	087	Đỗ Tiến Công	20/8/1997	Nam	Kinh	Hà Nam	23	7	76.67	Đạt	30	0	100.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
67	088	Hoàng Thị Kim Cúc	12/8/1996	Nữ	Tày	Hà Giang	19	11	63.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
68	089	Đặng Mạnh Cường	08/8/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	20	10	66.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
69	090	Vy Việt Cường	10/5/1998	Nam	Tày	Bắc Kạn	19	11	63.33	Đạt	25	5	83.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
70	091	Hồ Thế Cường	14/11/1997	Nam	Kinh	Bắc Ninh	21	9	70.00	Đạt	27	3	90.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
71	092	Nguyễn Hùng Cường	14/7/1998	Nam	Kinh	Hải Dương	21	9	70.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
72	093	Nguyễn Viết Cường	16/9/1993	Nam	Kinh	Phú Yên	13	17	43.33	Không đạt	16	14	53.33	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
73	094	Hồ Quốc Cường	10/10/1999	Nam	Kinh	Sóc Trăng	22	8	73.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
74	095	Bùi Quốc Cường	27/6/1999	Nam	Kinh	Bình Định	20	10	66.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
75	096	Lục Văn Chài	09/2/1997	Nam	Tày	Cao Bằng	19	11	63.33	Đạt	25	5	83.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
76	097	Nguyễn Thái Bảo Chân	01/5/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	23	7	76.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
77	098	Võ Thị Quỳnh Châu	12/10/1997	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	20	10	66.67	Đạt	17	13	56.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
78	099	Bùi Phúc Thuận Châu	26/10/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	20	10	66.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
79	101	Phan Kim Chi	12/12/1997	Nữ	Kinh	Quảng Bình	17	13	56.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
80	102	Hoàng Minh Chi	20/1/1997	Nữ	Nùng	Thái Nguyên	20	10	66.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
81	103	Nguyễn Thị Bảo Chi	12/2/1997	Nữ	Kinh	Phú Yên	22	8	73.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
82	104	Bùi Thị Chi	4/3/1998	Nữ	Mường	Thanh Hóa	14	16	46.67	Không đạt	13	17	43.33	Không đạt	47	13	78.33	Đạt	
83	105	Hoàng Thị Linh Chi	19/4/1999	Nữ	Kinh	Quảng Trị	23	7	76.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
84	106	Bùi Thị Chiến	09/4/1998	Nữ	Mường	Thanh Hóa	18	12	60.00	Đạt	15	15	50.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
85	107	Nguyễn Đức Chiến	22/01/1998	Nam	Kinh	Bắc Ninh	20	10	66.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
86	108	Lê Văn Chinh	25/01/1995	Nam	Kinh	Thanh Hóa	19	11	63.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	

87	109	Nguyễn Thị Chinh	15/8/1997	Nữ	Kinh	Thái Bình	21	9	70.00	Đạt	15	15	50.00	Đạt	56	4	93.33	Đạt	
88	110	Trần Văn Chính	01/8/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	20	10	66.67	Đạt	17	13	56.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
89	111	Phạm Ngọc Chính	08/11/1997	Nam	Kinh	Nam Định	18	12	60.00	Đạt	16	14	53.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
90	112	Thào A Chờ	21/8/1997	Nam	H'Mông	Điện Biên	20	10	66.67	Đạt	8	22	26.67	Không đạt	46	14	76.67	Đạt	
91	113	Kháng A Chu	01/4/1994	Nam	H'Mông	Lai Châu	19	11	63.33	Đạt	Miễn thi	#####	#####	Đạt	48	12	80.00	Đạt	Miễn thi NN
92	114	Hoàng Văn Chuông	05/6/1996	Nam	Tày	Yên Bái	13	17	43.33	Không đạt	10	20	33.33	Không đạt	49	11	81.67	Đạt	
93	115	Nguyễn Thị Thúy Diễm	23/2/1997	Nữ	Kinh	Phú Yên	16	14	53.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
94	116	Hoàng Thị Kiều Diễm	23/12/1998	Nữ	Tày	Cao Bằng	13	17	43.33	Không đạt	20	10	66.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
95	117	Đỗ Thị Diệu	18/5/1997	Nữ	Kinh	Ninh Bình	17	13	56.67	Đạt	10	20	33.33	Không đạt	48	12	80.00	Đạt	
96	118	Võ Văn Dĩnh	15/11/1999	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	20	10	66.67	Đạt	15	15	50.00	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
97	120	Hoàng Minh Dôn	24/6/1997	Nam	Nùng	Cao Bằng	21	9	70.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
98	121	Hồ Trường Dũ	03/9/1999	Nam	Kinh	Bình Định	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
99	122	Đoàn Vũ Quỳnh Dung	02/02/1997	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
100	123	Trần Thị Ngọc Dung	18/9/1998	Nữ	Kinh	Nam Định	17	13	56.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
101	124	Đỗ Thị Kim Dung	20/3/1996	Nữ	Kinh	Bình Định	19	11	63.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
102	125	Đinh Thị Thùy Dung	23/10/1996	Nữ	Kinh	Quảng Bình	20	10	66.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
103	126	Lê Thị Thanh Dung	20/6/1998	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	21	9	70.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
104	127	Võ Thị Dung	22/7/1996	Nữ	Kinh	Nghệ An	22	8	73.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
105	130	Phạm Thị Phương Dung	15/2/1999	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	21	9	70.00	Đạt	29	1	96.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
106	131	Lê Thị Thùy Dung	06/4/1999	Nữ	Kinh	Nghệ An	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
107	134	Đỗ Văn Dũng	14/11/1996	Nam	Kinh	Thái Bình	20	10	66.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
108	136	Trần Anh Dũng	17/10/1997	Nam	Kinh	Quảng Trị	20	10	66.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	57	3	95.00	Đạt	
109	137	Nguyễn Tiến Dũng	23/9/1997	Nam	Kinh	Quảng Bình	17	13	56.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
110	138	Hoàng Anh Dũng	09/2/1998	Nam	Kinh	Nam Định	22	8	73.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	32	28	53.33	Đạt	

111	139	Đặng Tiến Dũng	20/01/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
112	140	Nguyễn Tấn Dũng	02/6/1997	Nam	Kinh	Quảng Trị	20	10	66.67	Đạt	Miễn thi	#####	#####	Đạt	55	5	91.67	Đạt	Miễn thi NN
113	141	Hồ Anh Dũng	23/1/1998	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	18	12	60.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
114	142	Nguyễn Mạnh Dũng	25/12/1998	Nam	Kinh	Phú Thọ	18	12	60.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
115	143	Nguyễn Văn Dũng	19/01/1996	Nam	Mường	Hà Nội	18	12	60.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
116	145	Đặng Việt Dũng	09/01/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	17	13	56.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
117	146	Nguyễn Tấn Dũng	07/8/1999	Nam	Tày	Lào Cai	17	13	56.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
118	149	Nguyễn Công Duy	30/5/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	16	14	53.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
119	150	Nguyễn Văn Duy	22/9/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	18	12	60.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
120	152	Đặng Anh Duy	30/3/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	13	17	43.33	Không đạt	17	13	56.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
121	153	Võ Trọng Duy	09/10/1990	Nam	Kinh	TP HCMinh	18	12	60.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
122	154	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	06/2/1998	Nữ	Kinh	An Giang	18	12	60.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
123	155	Nguyễn Thị Duyên	16/1/1997	Nữ	Kinh	Bắc Giang	17	13	56.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
124	156	Hoàng Chung Duyên	30/12/1998	Nữ	Nùng	Cao Bằng	18	12	60.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
125	157	Phạm Thị Hồng Duyên	28/2/1999	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	20	10	66.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
126	158	Chớ Thị Dựa	10/10/1997	Nữ	Mông	Lai Châu	24	6	80.00	Đạt	16	14	53.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
127	160	Nguyễn Quầy Dược	01/01/1998	Nam	Kinh	Sóc Trăng	20	10	66.67	Đạt	8	22	26.67	Không đạt	50	10	83.33	Đạt	
128	161	Bùi Ngọc Dương	08/11/1997	Nam	Kinh	Bắc Giang	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
129	162	Trần Thùy Dương	13/2/1998	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
130	164	Đinh Thị Dương	01/7/1997	Nữ	Mường	Sơn La	19	11	63.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
131	165	Nguyễn Đức Dương	25/5/1997	Nam	Kinh	Bắc Giang	17	13	56.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
132	167	Nguyễn Văn Dương	07/2/199	Nam	Kinh	Bắc Ninh	19	11	63.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
133	168	Phạm Hồng Dương	22/6/1998	Nam	Kinh	Nam Định	15	15	50.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
134	170	Nguyễn Chí Đại	03/11/1997	Nam	Kinh	Hải Dương	18	12	60.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	44	16	73.33	Đạt	

135	171	Hoàng Văn Đại	19/11/1997	Nam	Nùng	Cao Bằng	18	12	60.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	57	3	95.00	Đạt	
136	173	Lê Văn Đại	10/8/1997	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	19	11	63.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
137	175	Trần Thị Xinh Đan	09/9/1997	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	17	13	56.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	56	4	93.33	Đạt	
138	176	Nguyễn Quang Đạo	05/2/1996	Nam	Kinh	Hà Nội	17	13	56.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
139	177	Lê Quang Đạo	07/1/1997	Nam	Kinh	Phú Thọ	18	12	60.00	Đạt	15	15	50.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
140	178	Lưu Duy Đạt	22/9/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	19	11	63.33	Đạt	26	4	86.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
141	179	Phùng Tiến Đạt	15/01/1998	Nam	Kinh	Thanh Hóa	19	11	63.33	Đạt	26	4	86.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
142	180	Hoàng Nguyễn Tiến Đạt	25/06/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	13	17	43.33	Không đạt	20	10	66.67	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
143	182	Đinh Hữu Đạt	19/12/1999	Nam	Kinh	Quảng Bình	17	13	56.67	Đạt	17	13	56.67	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
144	183	Đỗ Quốc Đạt	29/10/1999	Nam	Kinh	Ninh Bình	19	11	63.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
145	184	Phạm Tiến Đạt	09/01/1999	Nam	Kinh	Thanh Hóa	17	13	56.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
146	185	Phạm Hải Đăng	05/10/1997	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	22	8	73.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
147	186	Nguyễn Hải Đăng	13/4/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	21	9	70.00	Đạt	17	13	56.67	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
148	187	Phùng Thị Điểm	13/4/1998	Nữ	Nùng	Lạng Sơn	14	16	46.67	Không đạt	19	11	63.33	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
149	188	Nguyễn Trọng Điền	27/8/1999	Nam	Kinh	Hồ Chí Minh	19	11	63.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
150	189	Lê Minh Điền	09/6/1997	Nam	Kinh	Hậu Giang	17	13	56.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	37	23	61.67	Đạt	
151	190	Nguyễn Thanh Điền	13/01/1997	Nam	Kinh	Sóc Trăng	19	11	63.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
152	191	Phạm Khắc Điệp	10/9/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	17	13	56.67	Đạt	15	15	50.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
153	192	Vi Ngọc Điệp	22/04/1999	Nữ	Tày	Bắc Giang	15	15	50.00	Đạt	14	16	46.67	Không đạt	53	7	88.33	Đạt	
154	193	Lê Quý Đinh	08/12/1997	Nam	Kinh	Bắc Giang	14	16	46.67	Không đạt	20	10	66.67	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
155	194	Võ Trần Tiến Đinh	24/9/1996	Nam	Kinh	Trà Vinh	16	14	53.33	Đạt	15	15	50.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
156	195	Ngô Thùy Đoan	07/12/1998	Nữ	Kinh	Bạc Liêu	16	14	53.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
157	196	Lê Hữu Độ	25/8/1999	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	16	14	53.33	Đạt	13	17	43.33	Không đạt	40	20	66.67	Đạt	
158	197	Hà Xuân Đông	23/8/1996	Nam	Kinh	Phú Thọ	21	9	70.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	47	13	78.33	Đạt	

159	198	Trần Văn Đông	23/9/1997	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	20	10	66.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
160	200	Lò Văn Đông	24/10/1999	Nam	Thái	Sơn La	20	10	66.67	Đạt	Miễn thi	#####	#####	Đạt	55	5	91.67	Đạt	Miễn thi NN
161	202	Đào Minh Đức	03/4/1997	Nam	Kinh	Lạng Sơn	16	14	53.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
162	203	Nguyễn Trọng Đức	06/8/1998	Nam	Kinh	An Giang	17	13	56.67	Đạt	14	16	46.67	Không đạt	52	8	86.67	Đạt	
163	204	Chu Hoàng Đức	08/7/1998	Nam	Nùng	Thái Nguyên	20	10	66.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
164	205	Phạm Hoàng Minh Đức	06/12/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	18	12	60.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
165	206	Trần Minh Đức	22/8/1998	Nam	Kinh	Phú Thọ	21	9	70.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
166	209	Đặng Việt Đức	09/09/1999	Nam	Kinh	Thái Bình	20	10	66.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
167	210	Lê Đăng Đức	16/06/1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh	14	16	46.67	Không đạt	19	11	63.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
168	211	Trương Lưu Sỹ Đức	21/6/1998	Nam	Kinh	Quảng Trị	16	14	53.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	38	22	63.33	Đạt	
169	212	Lê Huỳnh Đức	01/4/1998	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	18	12	60.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
170	213	Lê Văn Đức	19/05/1999	Nam	Kinh	Thanh Hóa	19	11	63.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
171	215	Vi Thị Gửi	24/9/1995	Nữ	Mường	Thanh Hóa	16	14	53.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
172	216	Trần Thị Hương Giang	05/03/1997	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	19	11	63.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
173	217	Nông Trường Giang	04/7/1997	Nam	Tày	Yên Bái	13	17	43.33	Không đạt	10	20	33.33	Không đạt	46	14	76.67	Đạt	
174	218	Tô Lâm Giang	22/9/1998	Nữ	Nùng	Thái Nguyên	17	13	56.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
175	220	Trần Hương Giang	03/8/1998	Nữ	Kinh	Nghệ An	20	10	66.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
176	222	Đặng Lê Quỳnh Giang	19/9/1999	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	21	9	70.00	Đạt	27	3	90.00	Đạt	40	20	66.67	Đạt	
177	223	Lý Hoàng Hà	08/12/1998	Nữ	Nùng	Lạng Sơn	20	10	66.67	Đạt	26	4	86.67	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
178	224	Trần Ngọc Hà	19/6/1998	Nữ	Kinh	Phú Thọ	21	9	70.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
179	225	Lê Thị Hà	23/4/1996	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	26	4	86.67	Đạt	27	3	90.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
180	226	Nguyễn Tài Hà	24/9/1998	Nam	Kinh	Bắc Ninh	20	10	66.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
181	227	Lê Thị Hà	02/8/1996	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	22	8	73.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
182	228	Bùi Hoàng Hà	10/02/1997	Nam	Kinh	Nghệ An	20	10	66.67	Đạt	26	4	86.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	

183	229	Trương Thị Thu Hà	27/10/1997	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	11	19	36.67	Không đạt	23	7	76.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
184	230	Đoàn Thị Thu Hà	19/4/1997	Nữ	Kinh	Quảng Bình	17	13	56.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
185	231	Nguyễn Thị Hà	16/5/1999	Nữ	Kinh	Hưng Yên	16	14	53.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
186	232	Ma Thị Hà	12/10/1997	Nữ	Tày	Yên Bái	20	10	66.67	Đạt	12	18	40.00	Không đạt	46	14	76.67	Đạt	
187	233	Hoàng Hoài Thu Hà	05/12/1999	Nữ	Kinh	Phú Thọ	16	14	53.33	Đạt	25	5	83.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
188	234	Phạm Nam Hà	28/06/1999	Nam	Kinh	Hà Nam	20	10	66.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	38	22	63.33	Đạt	
189	235	Nguyễn Hồng Hải	15/9/1997	Nữ	Mường	Hòa Bình	16	14	53.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
190	236	Lâm Ngọc Hải	25/9/1998	Nam	Tày	Cao Bằng	19	11	63.33	Đạt	14	16	46.67	Không đạt	47	13	78.33	Đạt	
191	237	Nguyễn Lê Hải	17/9/1997	Nam	Kinh	Quảng Nam	20	10	66.67	Đạt	15	15	50.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
192	238	Trịnh Tuấn Hải	5/9/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	16	14	53.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
193	239	Nguyễn Phúc Hải	10/11/1999	Nam	Kinh	Thanh Hóa	20	10	66.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
194	240	Nguyễn Thị Hải	18/06/1998	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	20	10	66.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
195	241	Nguyễn Bá Đức Hải	05/10/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	21	9	70.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
196	242	Trương Hoàng Hải	26/02/1999	Nam	Tày	Yên Bái	21	9	70.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
197	243	Sùng A Hạng	03/6/1996	Nam	H'mông	Điện Biên	13	17	43.33	Không đạt	18	12	60.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
198	244	Nguyễn Quốc Hanh	04/9/1999	Nam	Kinh	Hưng Yên	25	5	83.33	Đạt	26	4	86.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
199	247	Võ Thị Hồng Hạnh	14/7/1998	Nữ	kinh	Quảng Ngãi	20	10	66.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
200	248	Đặng Thị Hạnh	04/6/1997	Nữ	Kinh	Nam Định	20	10	66.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
201	249	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	13/11/1997	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	19	11	63.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
202	250	Lê Đức Hạnh	06/6/1995	Nam	Kinh	Bình Thuận	17	13	56.67	Đạt	28	2	93.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
203	252	Trần Thị Hằng	28/02/1997	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	19	11	63.33	Đạt	25	5	83.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
204	253	Nguyễn Thị Thu Hằng	27/8/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	18	12	60.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
205	254	Hoàng Thị Hằng	10/9/1995	Nữ	Sán Dìu	Bắc Giang	21	9	70.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
206	255	Nguyễn Thị Hằng	20/2/1997	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	18	12	60.00	Đạt	27	3	90.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	

207	256	Nguyễn Thị Thanh Hằng	07/7/1998	Nữ	Kinh	Nghệ An	22	8	73.33	Đạt	27	3	90.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
208	257	Nguyễn Thị Thanh Hằng	21/12/1997	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	22	8	73.33	Đạt	26	4	86.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
209	258	Huỳnh Thị Thúy Hằng	01/10/1998	Nữ	Kinh	Bình Thuận	19	11	63.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
210	259	Ngô Thị Mỹ Hằng	28/10/1997	Nữ	Kinh	Quảng NAm	24	6	80.00	Đạt	29	1	96.67	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
211	260	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/11/1995	Nữ	Kinh	Hà Nội	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
212	261	Trần Thị Lệ Hằng	30/3/1998	Nữ	Kinh	Phú Yên	21	9	70.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
213	262	Lưu Thu Hằng	11/5/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	17	13	56.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
214	263	Nguyễn Thị Hằng	24/4/1998	Nữ	Kinh	Bắc Giang	20	10	66.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
215	264	Nguyễn Thị Hằng	04/6/1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	22	8	73.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
216	265	Lê Thị Thúy Hằng	18/9/1999	Nữ	Kinh	Thái Bình	19	11	63.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
217	266	Lê Trung Hân	28/2/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	26	4	86.67	Đạt	29	1	96.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
218	268	Nguyễn Công Hậu	19/01/1998	Nam	Kinh	Nghệ An	19	11	63.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
219	269	Nguyễn Trần Phúc Hậu	02/01/1999	Nam	Kinh	Vĩnh Long	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
220	270	Huỳnh Thanh Hậu	26/11/1998	Nữ	Kinh	Kiên Giang	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
221	271	Nguyễn Thành Hậu	28/12/1998	Nam	Kinh	Quảng Nam	17	13	56.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
222	272	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/10/1997	Nữ	Kinh	Quảng Bình	19	11	63.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
223	273	Vũ Sỹ Hiền	23/5/1997	Nam	Kinh	Hưng Yên	16	14	53.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
224	274	Tòng Thu Hiền	19/10/1997	Nữ	Thái	Sơn La	17	13	56.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
225	276	Vũ Thị Minh Hiền	4/2/1999	Nữ	Kinh	Thái Bình	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
226	277	Bạch Thu Hiền	10/3/1999	Nữ	Mường	Hòa Bình	23	7	76.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
227	278	Nguyễn Thị Minh Hiền	01/5/1999	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	23	7	76.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
228	279	Nguyễn Lê Hiền	03/9/1999	Nam	Kinh	Tây Ninh	19	11	63.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
229	280	Lê Thúy Hiền	21/02/1999	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	17	13	56.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
230	281	Đỗ Bá Hiệp	28/11/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	22	8	73.33	Đạt	28	2	93.33	Đạt	56	4	93.33	Đạt	

231	282	Hoàng Ngọc Hiệp	05/10/1999	Nữ	Tày	Cao Bằng	13	17	43.33	Không đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
232	283	Tạ Hoàng Hiệp	04/5/1999	Nam	Kinh	Ninh Bình	24	6	80.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
233	284	Hoàng Hiệp	31/3/1999	Nam	Kinh	Bắc Giang	24	6	80.00	Đạt	30	0	100.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
234	285	Nguyễn Đức Hiệp	19/12/1999	Nam	Kinh	Ninh Bình	20	10	66.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	40	20	66.67	Đạt	
235	286	Nguyễn Xuân Hiếu	13/10/1999	Nữ	Kinh	Cà Mau	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
236	287	Ma Minh Hiếu	20/12/1998	Nam	Tày	Thái Nguyên	19	11	63.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
237	288	Lê Văn Hiếu	04/11/1997	Nam	Kinh	Hà Nam	20	10	66.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	56	4	93.33	Đạt	
238	290	Nguyễn Minh Hiếu	19/8/1997	Nam	Kinh	Đồng Tháp	21	9	70.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	58	2	96.67	Đạt	
239	292	Nguyễn Trung Hiếu	13/2/1998	Nam	Kinh	Thanh Hóa	26	4	86.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	56	4	93.33	Đạt	
240	293	Phạm Đăng Hiếu	30/10/1998	Nam	Thái	Hòa Bình	11	19	36.67	Không đạt	13	17	43.33	Không đạt	47	13	78.33	Đạt	
241	295	Nguyễn Trung Hiếu	26/01/1997	Nam	Kinh	Quảng bình	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
242	296	Trần Minh Hiếu	26/11/1998	Nam	Kinh	Hưng Yên	22	8	73.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	57	3	95.00	Đạt	
243	298	Triệu Minh Hiếu	16/8/1996	Nam	Nùng	Thái Nguyên	21	9	70.00	Đạt	26	4	86.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
244	300	Hoàng Minh Hiếu	22/11/1999	Nam	Kinh	Hải Dương	20	10	66.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
245	302	Nguyễn Minh Hiếu	03/4/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	20	10	66.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
246	303	Vũ Thị Hoa	03/2/1997	Nữ	Kinh	Bắc Giang	25	5	83.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
247	304	Khiếu Gia Khoa	20/02/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	23	7	76.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
248	305	Tô Thị Hoa	17/4/1996	Nữ	Kinh	Bắc Kạn	13	17	43.33	Không đạt	16	14	53.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
249	307	Trần Thanh Hòa	11/10/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	18	12	60.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
250	309	Dương Thị Hòa	6/10/1997	Nữ	Tày	LẠng Sơn	17	13	56.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
251	310	Trần Thị Khánh Hòa	14/2/1998	Nữ	Kinh	Quảng Trị	16	14	53.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
252	312	Phạm Trần Thu Hoài	16/01/1999	Nữ	Thái	Hải Dương	20	10	66.67	Đạt	15	15	50.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
253	313	Lê Thị Thu Hoài	29/9/1999	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
254	314	Phan Ngọc Hoài	11/02/1999	Nam	Kinh	Quảng Trị	22	8	73.33	Đạt	12	18	40.00	Không đạt	51	9	85.00	Đạt	

255	315	Vũ Khải Hoàn	21/7/1997	Nam	Kinh	Nam Định	16	14	53.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
256	316	Đinh Việt Hoàng	12/4/1997	Nam	Kinh	Nam Định	18	12	60.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
257	317	Vi Tuấn Hoàng	28/1/1998	Nam	Nùng	Lạng Sơn	18	12	60.00	Đạt	Miễn thi	#####	#####	Đạt	48	12	80.00	Đạt	Miễn thi NN
258	318	Nguyễn Minh Hoàng	9/5/1997	Nam	Kinh	Thanh Hóa	20	10	66.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
259	319	Phạm Nguyên Hoàng	20/12/1998	Nam	Kinh	Quảng Nam	16	14	53.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
260	320	Nguyễn Việt Hoàng	12/6/1997	Nam	Kinh	Nghệ An	20	10	66.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
261	322	Đoàn Minh Hoàng	17/10/1997	Nam	Kinh	Nam Định	17	13	56.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
262	323	Hồ Duy Hoàng	05/9/1998	Nam	Kinh	Quảng Trị	19	11	63.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
263	324	Nguyễn Anh Hoàng	7/10/1997	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	24	6	80.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
264	327	Phạm Đăng Huy Hoàng	04/1/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	18	12	60.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
265	329	Nguyễn Quang Hoàng	02/01/1999	Nam	Kinh	Quảng Nam	21	9	70.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
266	330	Nguyễn Phan Minh Hoàng	29/7/1999	Nam	Tày	Hà Nam	17	13	56.67	Đạt	15	15	50.00	Đạt	42	18	70.00	Đạt	
267	331	Đinh Xuân Hoàng	26/9/1999	Nam	Tày	Vĩnh Phúc	17	13	56.67	Đạt	13	17	43.33	Không đạt	43	17	71.67	Đạt	
268	332	Phạm Việt Hoàng	25/6/1999	Nam	Tày	Cao Bằng	20	10	66.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
269	333	Nguyễn Xuân Hoàng	08/7/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	11	19	36.67	Không đạt	16	14	53.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
270	334	Vũ Thị Hồng	24/4/1999	Nữ	Kinh	Hưng Yên	19	11	63.33	Đạt	15	15	50.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
271	335	Lục Thu Hồng	03/12/1996	Nữ	Tày	Cao Bằng	13	17	43.33	Không đạt	12	18	40.00	Không đạt	50	10	83.33	Đạt	
272	336	Đặng Quang Huân	28/4/1998	Nam	Kinh	Nam Định	20	10	66.67	Đạt	11	19	36.67	Không đạt	47	13	78.33	Đạt	
273	337	Hà Thanh Huế	16/01/1997	Nữ	Nùng	Lạng Sơn	20	10	66.67	Đạt	14	16	46.67	Không đạt	50	10	83.33	Đạt	
274	338	Lăng Thị Huế	9/10/1997	Nữ	Tày	Lạng Sơn	16	14	53.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
275	339	Triệu Thị Huệ	20/2/1999	Nữ	Nùng	Lạng Sơn	19	11	63.33	Đạt	11	19	36.67	Không đạt	51	9	85.00	Đạt	
276	340	Chu Lý Hùng	25/8/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	16	14	53.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
277	341	Nguyễn Xuân Hùng	28/02/1996	Nam	Kinh	Nam Định	14	16	46.67	Không đạt	11	19	36.67	Không đạt	39	21	65.00	Đạt	
278	343	Nguyễn Cao Hùng	24/7/1997	Nam	Kinh	Nghệ An	19	11	63.33	Đạt	9	21	30.00	Không đạt	48	12	80.00	Đạt	

279	344	Lò Văn Hùng	30/5/1998	Nam	Thái	Điện Biên	17	13	56.67	Đạt	12	18	40.00	Không đạt	45	15	75.00	Đạt	
280	346	Nguyễn Quang Huy	01/7/1998	Nam	Tày	Bắc Ninh	19	11	63.33	Đạt	26	4	86.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
281	347	Nguyễn Văn Huy	19/9/1998	Nam	Kinh	Thái Bình	15	15	50.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
282	348	Nguyễn Đăng Huy	19/12/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	18	12	60.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
283	349	Đỗ Xuân Huy	26/11/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	17	13	56.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	39	21	65.00	Đạt	
284	350	Tống Nhật Huy	8/6/1996	Nam	Kinh	Nam Định	18	12	60.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
285	352	Đỗ Trọng Huy	7/3/1999	Nam	Kinh	Thái Bình	15	15	50.00	Đạt	26	4	86.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
286	353	Hán Đôn Gia Huy	29/01/1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh	18	12	60.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
287	354	Nguyễn Văn Huy	01/4/1999	Nam	Sán Dìu	Tuyên Quang	15	15	50.00	Đạt	26	4	86.67	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
288	355	Nguyễn Thị Thu Huyền	05/8/1997	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	16	14	53.33	Đạt	26	4	86.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
289	357	Võ Thị Thanh Huyền	01/11/1999	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	21	9	70.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
290	358	Bùi Lê Khánh Huyền	22/10/1998	Nữ	Kinh	Hải Dương	19	11	63.33	Đạt	26	4	86.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
291	359	Trần Ngọc Huyền	26/9/1999	Nữ	Tày	Thái Bình	21	9	70.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
292	360	Phạm Thị Huyền	07/6/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	22	8	73.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	56	4	93.33	Đạt	
293	361	Cù Thị Thanh Huyền	23/6/1999	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	20	10	66.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
294	363	Đinh Ngọc Hưng	15/02/1998	Nam	Tày	Quảng Ninh	20	10	66.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
295	364	Nguyễn Công Quốc Hưng	25/1/1996	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	18	12	60.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
296	365	Châu Phước Hưng	10/9/1995	Nam	Kinh	Cần Thơ	18	12	60.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
297	366	Nông Hoàng Thái Hưng	28/4/1997	Nam	Tày	Cao Bằng	23	7	76.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
298	368	Phương Thị Hương	14/02/1996	Nữ	Tày	Đăk Lăk	21	9	70.00	Đạt	17	13	56.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
299	369	Nguyễn Thị Xuân Hương	24/5/1997	Nữ	Kinh	Kom Tum	17	13	56.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
300	370	Đinh Thị Thu Hương	18/6/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	17	13	56.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
301	371	Dương Thị Thu Hương	13/9/1999	Nữ	Kinh	Đăk Lắc	13	17	43.33	Không đạt	15	15	50.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
302	373	Nguyễn Thị Mỹ Hương	29/12/1999	Nữ	Kinh	Sóc Trăng	21	9	70.00	Đạt	14	16	46.67	Không đạt	46	14	76.67	Đạt	

303	374	Đỗ Thị Phương Hường	14/10/1996	Nữ	Kinh	Thái Bình	17	13	56.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
304	375	Đào Thị Hường	17/4/1997	Nữ	Kinh	Nam Định	22	8	73.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
305	376	Đinh Thu Hường	20/12/1999	Nữ	Tày	Cao Bằng	23	7	76.67	Đạt	17	13	56.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
306	377	Hà Ngọc Hường	28/5/1998	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	19	11	63.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
307	378	Nguyễn Trọng Hữu	15/10/1996	Nam	Nùng	Nam Định	18	12	60.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	40	20	66.67	Đạt	
308	379	Võ Lê Công Hữu	18/5/1999	Nam	Kinh	Bạc Liêu	19	11	63.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	37	23	61.67	Đạt	
309	380	Nguyễn Du Kị	06/12/1998	Nam	Kinh	Trà Vinh	21	9	70.00	Đạt	13	17	43.33	Không đạt	46	14	76.67	Đạt	
310	381	Dương Trung Kiên	17/01/1997	Nam	Kinh	An Giang	16	14	53.33	Đạt	10	20	33.33	Không đạt	48	12	80.00	Đạt	
311	382	Nguyễn Đình Kiên	16/6/1996	Nam	Kinh	Hà Nam	16	14	53.33	Đạt	12	18	40.00	Không đạt	55	5	91.67	Đạt	
312	384	Nguyễn Đăng Kiên	30/4/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	20	10	66.67	Đạt	17	13	56.67	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
313	386	Tô Vũ Cao Kỳ	17/01/1999	Nam	Kinh	Thái Bình	15	15	50.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	42	18	70.00	Đạt	
314	387	Ngô Vũ Kha	09/11/1997	Nam	Kinh	Cà Mau	23	7	76.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
315	389	Hoàng Văn Quang Khải	13/10/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	23	7	76.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
316	390	Nguyễn Đình Ngọc Khải	17/3/1996	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	22	8	73.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
317	395	Nguyễn Lữ Thảo Khanh	04/12/1996	Nữ	Kinh	Vĩnh Long	19	11	63.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
318	396	Nguyễn Thị Lê Khanh	13/2/1997	Nữ	Kinh	Thái Bình	21	9	70.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
319	397	Nguyễn Duy Khánh	05/02/1997	Nam	Kinh	Hà Nam	17	13	56.67	Đạt	29	1	96.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
320	398	Nguyễn Huỳnh Quốc Khánh	10/9/1998	Nam	Kinh	Long An	21	9	70.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
321	399	Đinh Gia Khánh	04/8/1996	Nam	Kinh	Nghệ An	22	8	73.33	Đạt	13	17	43.33	Không đạt	52	8	86.67	Đạt	
322	400	Phùng Gia Khánh	08/02/1997	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	19	11	63.33	Đạt	15	15	50.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
323	401	Nguyễn Duy Khánh	01/12/1998	Nam	Kinh	Phú Thọ	17	13	56.67	Đạt	17	13	56.67	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
324	402	Vi Thị Vân Khánh	02/9/1999	Nữ	Tày	Lạng Sơn	18	12	60.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
325	403	Trần Khánh	06/7/1999	Nam	Kinh	Tuyên Quang	20	10	66.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
326	404	Nguyễn Phúc Khánh	28/11/1999	Nam	Kinh	Bắc Giang	18	12	60.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	

327	405	Vi Ngọc Khánh	29/01/1999	Nam	Tày	Lạng Sơn	19	11	63.33	Đạt	Miễn thi	#####	#####	Đạt	42	18	70.00	Đạt	Miễn thi NN
328	406	Trần Văn Khoa	6/4/1998	Nam	Kinh	Quảng Nam	20	10	66.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
329	407	Trương Mai Đăng Khoa	12/3/1997	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	18	12	60.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
330	408	Trần Đăng Khoa	26/11/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	19	11	63.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
331	410	Âu Văn Khuyên	28/01/1997	Nam	Cao Lan	Tuyên Quang	20	10	66.67	Đạt	14	16	46.67	Không đạt	46	14	76.67	Đạt	
332	411	Nguyễn Văn Khuyến	18/8/1996	Nam	Kinh	Nam Định	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
333	412	Hà Xuân Khương	06/02/1999	Nam	Tày	Yên Bái	18	12	60.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
334	413	Phan Duy Khương	15/8/1998	Nam	Kinh	Hà Nam	21	9	70.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
335	416	Hoàng Thị Lan	15/11/1997	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	17	13	56.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
336	417	Triệu Việt Lâm	01/5/1998	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	18	12	60.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
337	418	Lê Thanh Lâm	05/7/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	24	6	80.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
338	419	Nguyễn Tiến Lâm	07/6/1998	Nam	Kinh	Hưng Yên	16	14	53.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
339	420	Phan Thái Bảo Lâm	26/7/1998	Nam	Kinh	Yên Bái	17	13	56.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	37	23	61.67	Đạt	
340	421	Nguyễn Văn Lâm	17/7/1998	Nam	Kinh	An Giang	16	14	53.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
341	422	Hà Diệp Lệ	31/08/1998	Nữ	Nùng	Hà Nội	18	12	60.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
342	423	Hoàng Thị Liêm	17/8/1995	Nữ	Tày	Lạng Sơn	16	14	53.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
343	424	Hồ Thị Hồng Liên	18/11/1998	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	19	11	63.33	Đạt	25	5	83.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
344	425	Lưu Thị Liên	04/4/1996	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	19	11	63.33	Đạt	26	4	86.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
345	428	Phan Đình Linh	21/5/1998	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	16	14	53.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
346	431	Cù Thị Giang Linh	15/11/1996	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	23	7	76.67	Đạt	28	2	93.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
347	432	Lê Thị Hoài Linh	09/8/1996	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	22	8	73.33	Đạt	27	3	90.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
348	434	Nguyễn Trần Thị Bảo Linh	20/9/1998	Nữ	Kinh	Quảng Nam	22	8	73.33	Đạt	28	2	93.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
349	436	Phạm Diệu Linh	10/9/1996	Nữ	Mường	Thanh Hóa	22	8	73.33	Đạt	29	1	96.67	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
350	437	Vũ Lộc Linh	18/01/1997	Nam	Kinh	Hải Phòng	23	7	76.67	Đạt	30	0	100.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	

351	438	Nguyễn Tài Linh	17/5/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	24	6	80.00	Đạt	30	0	100.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
352	439	Vũ Kiều Linh	19/8/1997	Nữ	Tày	Lạng Sơn	23	7	76.67	Đạt	29	1	96.67	Đạt	36	24	60.00	Đạt	
353	440	Ngô Phương Linh	13/02/1998	Nữ	Kinh	Thái Bình	23	7	76.67	Đạt	29	1	96.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
354	441	Phạm Thảo Linh	11/12/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	19	11	63.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
355	442	Hoàng Thị Mỹ Linh	09/5/1997	Nữ	Kinh	Bắc Giang	22	8	73.33	Đạt	28	2	93.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
356	443	Lò Khánh Linh	23/4/1997	Nữ	Thái	Sơn La	21	9	70.00	Đạt	28	2	93.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
357	446	Đặng Diệu Mỹ Linh	22/1/1997	Nữ	Kinh	Phú Yên	24	6	80.00	Đạt	29	1	96.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
358	447	Nguyễn Thị Mỹ Linh	27/5/1997	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	22	8	73.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
359	448	Trần Thị Mỹ Linh	10/5/1997	Nữ	Kinh	Nghệ An	19	11	63.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
360	450	Phạm Mỹ Linh	22/4/1999	Nữ	Kinh	Ninh Bình	22	8	73.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
361	451	Nguyễn Thị Ngọc Linh	10/8/1999	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	42	18	70.00	Đạt	
362	452	Giang Kiều Linh	16/10/1999	Nữ	Nùng	Lạng Sơn	18	12	60.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
363	453	Tạ Khánh Linh	26/8/1999	Nữ	Kinh	Ninh Bình	22	8	73.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
364	455	Nguyễn Thị Hồng Loan	09/9/1996	Nữ	Kinh	Hà Nội	22	8	73.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
365	456	Trần Thị Hồng Loan	08/3/1997	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
366	457	Lê Thị Loan	20/4/1997	Nữ	Kinh	Hà Nội	22	8	73.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
367	458	Hoàng Thị Loan	03/03/1998	Nữ	Dao	Lào Cai	24	6	80.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
368	459	Trần Phước Bảo Long	18/7/1997	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	22	8	73.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
369	460	Nguyễn Thành Long	02/9/1997	Nam	Kinh	Hưng Yên	21	9	70.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
370	461	Nguyễn Thành Long	20/6/1996	Nam	Kinh	Hà Nội	23	7	76.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
371	463	Vũ Thành Long	30/10/1999	Nam	Kinh	Thái Bình	21	9	70.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
372	464	Nguyễn Thanh Long	14/6/1999	Nam	Kinh	Lâm Đồng	21	9	70.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
373	467	Nguyễn Lực	02/12/1998	Nam	Kinh	Quảng Trị	15	15	50.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
374	468	Trần Văn Lực	20/2/1999	Nam	Kinh	Quảng Nam	18	12	60.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	

375	469	Nguyễn Hữu Lừng	02/1/1996	Nam	Kinh	Hà Nội	21	9	70.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
376	470	Nguyễn Công Lương	31/10/1997	Nam	Kinh	Nghệ An	23	7	76.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
377	471	Dương Văn Lưởng	20/5/1999	Nam	Kinh	Bạc Liêu	20	10	66.67	Đạt	17	13	56.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
378	472	Dương Đình Lượng	08/3/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	18	12	60.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
379	473	Lục Thị Lưu	14/12/1998	Nữ	Nùng	Cao Bằng	19	11	63.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
380	475	Nguyễn Thảo Ly	02/8/1998	Nữ	Tày	Bắc Ninh	18	12	60.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
381	476	Nguyễn Thị Hải Lý	11/5/1997	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	18	12	60.00	Đạt	17	13	56.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
382	477	Đồng Thị Ngọc Mai	07/01/1998	Nữ	Tày	Lạng Sơn	21	9	70.00	Đạt	27	3	90.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
383	478	Lê Thị Tuyết Mai	18/5/1998	Nữ	Kinh	Quảng Trị	22	8	73.33	Đạt	27	3	90.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
384	479	Vũ Huyền Mai	17/11/1997	Nữ	Kinh	Hải Dương	19	11	63.33	Đạt	28	2	93.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
385	480	Nông Thị Mai	01/01/1996	Nữ	Tày	Bắc Kạn	20	10	66.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
386	481	Trương Thị Mai	15/10/1999	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	21	9	70.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
387	482	La Quỳnh Mai	06/4/1999	Nữ	Kinh	Cà Mau	15	15	50.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
388	484	Nguyễn Đức Mạnh	5/11/1997	Nam	Kinh	Hải Phòng	20	10	66.67	Đạt	17	13	56.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
389	485	Nguyễn Đức Mạnh	10/12/1999	Nam	Kinh	Khánh Hòa	25	5	83.33	Đạt	12	18	40.00	Không đạt	41	19	68.33	Đạt	
390	486	Nguyễn Đức Mạnh	16/11/1999	Nam	Kinh	Thái Bình	23	7	76.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	38	22	63.33	Đạt	
391	488	Huỳnh Gia Mẫn	11/12/1999	Nam	Kinh	Cà Mau	17	13	56.67	Đạt	13	17	43.33	Không đạt	49	11	81.67	Đạt	
392	489	Lê Thị Mận	27/2/1997	Nữ	Kinh	Nghệ An	19	11	63.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
393	491	Lê Thị Minh	15/3/1996	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	16	14	53.33	Đạt	17	13	56.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
394	494	Hà Công Minh	24/8/1998	Nam	Mường	Thanh Hóa	18	12	60.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
395	495	Phạm Ngọc Minh	15/02/1999	Nam	Kinh	Thái Bình	17	13	56.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
396	496	Bùi Nhật Minh	04/10/1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh	19	11	63.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
397	497	Nguyễn Bình Minh	06/12/1999	Nam	Kinh	Quảng Trị	21	9	70.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
398	498	Lê Đặng Hiếu Minh	29/3/1999	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	20	10	66.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	

399	499	Lô Khánh Minh	19/10/1998	Nam	Nùng	Lạng Sơn	20	10	66.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
400	500	Lò Văn Mới	01/011/1999	Nam	Thái	Sơn La	19	11	63.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
401	502	Phạm Đình Nam	19/12/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	17	13	56.67	Đạt	15	15	50.00	Đạt	42	18	70.00	Đạt	
402	503	Chử Văn Nam	16/3/1994	Nam	Kinh	Bắc Ninh	23	7	76.67	Đạt	28	2	93.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
403	504	Đặng Phương Nam	03/12/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	20	10	66.67	Đạt	27	3	90.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
404	505	Nguyễn Đình Nam	14/6/1997	Nam	kinh	Thừa Thiên Huế	16	14	53.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
405	506	Kim Mộc Nam	18/9/1998	Nam	Khmer	Sóc Trăng	19	11	63.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
406	507	Nguyễn Hoàng Nam	09/2/1998	Nam	Kinh	Lào Cai	17	13	56.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
407	508	Dương Hải Nam	12/9/1999	Nam	Tày	Thái Nguyên	18	12	60.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
408	509	Hoàng Văn Nam	27/3/1999	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	19	11	63.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
409	510	Nguyễn Văn Nam	09/6/1998	Nam	Kinh	Nghệ An	21	9	70.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
410	511	Lê Anh Nam	10/10/1999	Nam	Mường	Thanh Hóa	18	12	60.00	Đạt	17	13	56.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
411	512	Huỳnh Công Ninh	30/5/1999	Nam	Kinh	Trà Vinh	15	15	50.00	Đạt	17	13	56.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
412	513	Huỳnh Thị Ngọc Nữ	10/10/1999	Nữ	Kinh	Phú Yên	22	8	73.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
413	514	Hoàng Nguyễn Diệu Nga	01/3/1998	Nữ	Kinh	Quảng Bình	21	9	70.00	Đạt	29	1	96.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
414	515	Trần Thị Thanh Nga	17/11/1997	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	21	9	70.00	Đạt	28	2	93.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
415	517	Lê Thị Quỳnh Nga	25/7/1998	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	18	12	60.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
416	521	Nguyễn Thị Thu Ngân	20/5/1999	Nữ	Kinh	Nghệ An	18	12	60.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
417	522	Trần Quang Nghĩa	27/10/1997	Nam	Kinh	Quảng Bình	18	12	60.00	Đạt	14	16	46.67	Không đạt	43	17	71.67	Đạt	
418	524	Tạ Thành Nghĩa	09/10/1994	Nam	Kinh	Cà Mau	15	15	50.00	Đạt	13	17	43.33	Không đạt	51	9	85.00	Đạt	
419	525	Hoàng Trọng Nghĩa	17/3/1998	Nam	Cao Lan	Tuyên Quang	16	14	53.33	Đạt	15	15	50.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
420	526	Lê Hưng Nghĩa	02/2/1997	Nam	Kinh	Thanh Hóa	20	10	66.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
421	527	Trần Gia Nghĩa	15/6/1997	Nam	Kinh	Nam Định	19	11	63.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
422	528	Nông Hoàng Nghiệp	13/2/1997	Nam	Nùng	Thái Nguyên	17	13	56.67	Đạt	14	16	46.67	Không đạt	46	14	76.67	Đạt	

423	529	Nguyễn Xuân Ngọc	10/4/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	21	9	70.00	Đạt	26	4	86.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
424	530	Dương Minh Ngọc	27/1/1997	Nam	Kinh	Yên Bái	15	15	50.00	Đạt	14	16	46.67	Không đạt	37	23	61.67	Đạt	
425	532	Nguyễn Khắc Ngọc	31/12/1996	Nam	Kinh	Nghệ An	20	10	66.67	Đạt	15	15	50.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
426	533	Trần Thị Hồng Ngọc	18/8/1996	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	19	11	63.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
427	534	Phạm Thị Quỳnh Ngọc	17/2/1996	Nữ	Kinh	Thái Bình	21	9	70.00	Đạt	16	14	53.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
428	535	Lê Thị Mỹ Ngọc	10/01/1996	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	20	10	66.67	Đạt	15	15	50.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
429	536	Trần Bảo Ngọc	02/3/1996	Nam	Kinh	Hải Phòng	17	13	56.67	Đạt	17	13	56.67	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
430	538	Nguyễn Bảo Ngọc	22/9/1998	Nam	Kinh	Yên Bái	15	15	50.00	Đạt	15	15	50.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
431	539	Phùng Hoàng Ngọc	18/8/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	22	8	73.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
432	541	Long Thị Ngọc	23/4/1999	Nữ	Nùng	Cao Bằng	20	10	66.67	Đạt	16	14	53.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
433	542	Trần Đình Ngọc	22/4/1999	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	20	10	66.67	Đạt	13	17	43.33	Không đạt	48	12	80.00	Đạt	
434	543	Vũ Thị Bảo Ngọc	18/6/1999	Nữ	Kinh	Phú Thọ	18	12	60.00	Đạt	15	15	50.00	Đạt	39	21	65.00	Đạt	
435	544	Nguyễn Khánh Nguyên	22/4/1997	Nam	Kinh	Trà Vinh	17	13	56.67	Đạt	17	13	56.67	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
436	545	Mai Trọng Nguyên	23/9/1998	Nam	Kinh	Thanh Hóa	23	7	76.67	Đạt	27	3	90.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
437	546	La Thị Bé Nguyễn	23/1/1997	Nữ	Thái	Nghệ An	13	17	43.33	Không đạt	22	8	73.33	Đạt	40	20	66.67	Đạt	
438	547	Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt	21/10/1998	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	22	8	73.33	Đạt	27	3	90.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
439	548	Lò Thị Nguyệt	16/4/1996	Nữ	Thái	Sơn La	17	13	56.67	Đạt	26	4	86.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
440	549	Lưu Thị Minh Nguyệt	25/2/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	22	8	73.33	Đạt	28	2	93.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
441	550	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	17/12/1999	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	22	8	73.33	Đạt	27	3	90.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
442	551	Lê Thị Thanh Nhã	18/9/1999	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	25	5	83.33	Đạt	26	4	86.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
443	553	Nguyễn Văn Nhàn	20/4/1999	Nam	Kinh	Đồng Tháp	18	12	60.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
444	554	Trần Trí Nhân	10/10/1998	Nam	Kinh	Quảng Nam	25	5	83.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
445	555	Lê Bá Trí Nhân	5/10/1997	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	21	9	70.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
446	556	Nguyễn Song Nhân	21/7/1999	Nam	Kinh	Vĩnh Long	19	11	63.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	

447	557	Dương Kim Nhất	12/10/1997	Nam	Kinh	Quảng Nam	19	11	63.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
448	558	Nguyễn Văn Nhất	06/8/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	19	11	63.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
449	559	Nguyễn Quang Nhật	10/10/1998	Nam	Kinh	Phú Thọ	25	5	83.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
450	560	Nguyễn Đăng Nhật	25/01/1998	Nam	Kinh	Quảng Trị	16	14	53.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
451	561	Võ Dương Thảo Nhi	31/8/1998	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	22	8	73.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
452	563	Nguyễn Thị Nhi	02/4/1997	Nữ	Kinh	Quảng Trị	21	9	70.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
453	564	Mai Thị Hồng Nhi	15/9/1996	Nữ	Kinh	Vĩnh Long	17	13	56.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
454	566	Hoàng Hà Nhi	19/11/1997	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	21	9	70.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
455	567	Đỗ Thị Lan Nhi	13/3/1999	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	19	11	63.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
456	568	Phùng Thị Thanh Nhớ	04/2/1997	Nữ	Nùng	Lạng Sơn	22	8	73.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
457	569	Ngô Hồng Nhung	09/6/1996	Nữ	Kinh	Bắc Giang	25	5	83.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	56	4	93.33	Đạt	
458	571	Trần Hồng Nhung	04/02/1997	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	16	14	53.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
459	573	Lương Thị Nhung	01/3/1997	Nữ	Kinh	Hưng Yên	20	10	66.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
460	574	Thân Thị Nhung	04/6/1996	Nữ	Kinh	Bắc Giang	20	10	66.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
461	575	Đinh Thị Hồng Nhung	01/10/1999	Nữ	Kinh	Quảng Bình	23	7	76.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
462	576	Hà Phương Nhung	26/4/1999	Nữ	Thái	Sơn La	23	7	76.67	Đạt	Miễn thi	#####	#####	Đạt	55	5	91.67	Đạt	Miễn thi NN
463	577	Nguyễn Thị Nhung	28/2/1998	Nữ	Kinh	Quảng Nam	23	7	76.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
464	578	Hoàng Hồng Nhung	19/7/1999	Nữ	Nùng	Lạng Sơn	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
465	580	Thạch Thanh Nhựt	15/10/1999	Nam	Khmer	Sóc Trăng	24	6	80.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	57	3	95.00	Đạt	
466	581	Nguyễn Thị Tú Oanh	17/8/1997	Nữ	Kinh	Hà Nội	26	4	86.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
467	582	Trương Phương Oanh	8/3/1998	Nữ	Kinh	Quảng Trị	26	4	86.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
468	584	Nguyễn Thị Kiều Oanh	14/01/1999	Nữ	Kinh	Hải Dương	25	5	83.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
469	585	Nguyễn Trâm Oanh	09/01/1999	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	23	7	76.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
470	586	Đặng Thị Châu Oanh	17/7/1999	Nữ	Kinh	Bình Định	23	7	76.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	

471	587	Lý A Páo	8/12/1996	Nam	H`mông	Điện Biên	26	4	86.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
472	588	Lê Đông Pha	16/4/1999	Nữ	Kinh	Bình Thuận	22	8	73.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
473	589	Hứa Thị Hiếu Phi	03/11/1999	Nữ	Nùng	Lạng Sơn	26	4	86.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
474	590	Phạm Trường Phi	16/8/1999	Nam	Kinh	Nghệ An	17	13	56.67	Đạt	13	17	43.33	Không đạt	44	16	73.33	Đạt	
475	591	Nông Thanh Phong	28/11/1997	Nam	Tày	Cao Bằng	20	10	66.67	Đạt	Miễn thi	#####	#####	Đạt	54	6	90.00	Đạt	Miễn thi NN
476	593	Nguyễn Tiến Phong	02/1/1998	Nam	Kinh	Phú Thọ	24	6	80.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
477	594	Nguyễn Ngọc Phong	8/2/1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk	20	10	66.67	Đạt	11	19	36.67	Không đạt	41	19	68.33	Đạt	
478	596	Lương Thanh Phông	30/4/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	26	4	86.67	Đạt	Miễn thi	#####	#####	Đạt	50	10	83.33	Đạt	Miễn thi NN
479	598	Đào Văn Phúc	31/8/1999	Nam	Kinh	Hưng Yên	8	22	26.67	Không đạt	18	12	60.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
480	599	Lưu Ngọc Phúc	25/8/1999	Nam	Kinh	Nam Định	15	15	50.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
481	600	Nguyễn Thạch Ngọc Phúc	16/04/1999	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	16	14	53.33	Đạt	12	18	40.00	Không đạt	48	12	80.00	Đạt	
482	602	Lê Văn Phước	23/02/1998	Nam	Kinh	Quảng Trị	20	10	66.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
483	603	Nguyễn Văn Phước	13/6/1999	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	13	17	43.33	Không đạt	18	12	60.00	Đạt	42	18	70.00	Đạt	
484	604	Bùi Thị Phương	15/5/1997	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	15	15	50.00	Đạt	15	15	50.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
485	605	Lê Đức Phương	11/9/1997	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
486	606	Bùi Thị Thu Phương	22/08/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	19	11	63.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
487	607	Trần Anh Phương	02/5/1998	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	21	9	70.00	Đạt	26	4	86.67	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
488	608	Trương Thị Yến Phương	25/9/1997	Nữ	Kinh	Phú Thọ	22	8	73.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
489	611	Nguyễn Phan Thanh Phương	26/9/1999	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	18	12	60.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
490	612	Nguyễn Hoàng Mai Phương	23/3/1999	Nữ	Kinh	Nghệ An	17	13	56.67	Đạt	30	0	100.00	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
491	613	Nông Thị Hoài Phương	27/6/1998	Nữ	Nùng	Lạng Sơn	17	13	56.67	Đạt	17	13	56.67	Đạt	39	21	65.00	Đạt	
492	614	Hạ Thị Thúy Phương	29/3/1999	Nữ	Kinh	Phú Thọ	19	11	63.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	57	3	95.00	Đạt	
493	615	Lò Văn Phương	05/9/1998	Nam	Lào	Lai Châu	13	17	43.33	Không đạt	20	10	66.67	Đạt	40	20	66.67	Đạt	
494	617	Nguyễn Đăng Quang	18/3/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	14	16	46.67	Không đạt	16	14	53.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	

495	518	Lưu Thiện Quang	05/8/1997	Nam	Nùng	Lạng Sơn	16	14	53.33	Đạt	15	15	50.00	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
496	620	Đỗ Thành Quang	03/5/1997	Nam	Kinh	Phú Thọ	18	12	60.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
497	621	Hoàng Hào Quang	10/6/1997	Nam	Kinh	Nghệ An	19	11	63.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
498	622	Lê Tuấn Quang	22/10/1997	Nam	Kinh	Hà Nam	21	9	70.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
499	624	Đinh Xuân Quang	08/4/1998	Nam	Kinh	Bình Định	21	9	70.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
500	625	Hoàng Văn Quang	15/2/1998	Nam	H'Mông	Cao Bằng	20	10	66.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
501	626	Đặng Thanh Quân	28/7/1997	Nam	Kinh	Nam Định	21	9	70.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
502	627	Giàng Ngọc Quân	05/02/1999	Nam	Phù Lá	Lào Cai	15	15	50.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
503	628	Nguyễn Huỳnh Anh Quốc	19/8/1997	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	16	14	53.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
504	629	Lê Chí Quốc	06/10/1998	Nam	Kinh	Quảng Trị	16	14	53.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
505	630	Phạm Văn Quốc	31/8/1999	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	17	13	56.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
506	633	Lê Thị Đỗ Quyên	16/10/1999	Nữ	Kinh	Quảng Nam	19	11	63.33	Đạt	28	2	93.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
507	636	Trần Quang Quynh	24/2/1997	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	19	11	63.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
508	637	Lê Trần Như Quỳnh	05/11/1998	Nữ	Kinh	Long An	22	8	73.33	Đạt	25	5	83.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
509	638	Nguyễn Thị Quỳnh	11/8/1997	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	18	12	60.00	Đạt	28	2	93.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
510	639	Dương Diễm Quỳnh	19/8/1997	Nữ	Kinh	Bắc Giang	16	14	53.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
511	642	Mai Ngọc Quỳnh	05/7/1999	Nữ	Kinh	Quảng Bình	19	11	63.33	Đạt	30	0	100.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
512	643	Nguyễn Hương Quỳnh	04/10/1999	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	18	12	60.00	Đạt	28	2	93.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
513	644	Chu Thúy Quỳnh	10/3/1999	Nữ	Kinh	Nghệ An	19	11	63.33	Đạt	29	1	96.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
514	646	Huỳnh Ngọc Rin	02/02/1999	Nam	Kinh	Quảng Nam	20	10	66.67	Đạt	28	2	93.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
515	647	Nguyễn Văn Ru.	08/3/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	20	10	66.67	Đạt	26	4	86.67	Đạt	56	4	93.33	Đạt	
516	648	Trần Thị Kim Sa	10/3/1999	Nữ	Kinh	Quảng NAm	18	12	60.00	Đạt	28	2	93.33	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
517	649	Sùng A Sái	10/4/1993	Nam	H'mông	Điện Biên	13	17	43.33	Không đạt	Miễn thi	#####	#####	Đạt	44	16	73.33	Đạt	Miễn thi NN
518	650	Nguyễn Đức Sang	03/4/1997	Nam	Kinh	Hà Nam	18	12	60.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	

519	651	Nông Tuấn Sang	28/11/1998	Nam	Tày	Cao Bằng	17	13	56.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
520	653	Trần Văn Sang	10/12/1999	Nam	Kinh	Nghệ An	18	12	60.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
521	654	Lê Thị Sao	29/8/1998	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	17	13	56.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
522	656	Lý Văn Siết	11/11/1996	Nam	Dao	Cao Bằng	19	11	63.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
523	657	Giàng A Sinh	01/6/1995	Nam	H'Mông	Điện biên	16	14	53.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
524	658	Lê My Soốn	6/5/1997	Nữ	Kinh	Phú Yên	15	15	50.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
525	659	Vũ Ngọc Sơn	07/11/1995	Nam	Kinh	Thái Bình	17	13	56.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
526	660	Bùi Lâm Sơn	31/12/1997	Nam	Kinh	Phú Thọ	19	11	63.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	42	18	70.00	Đạt	
527	661	Võ Nguyên Sơn	07/02/1997	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	12	18	40.00	Không đạt	17	13	56.67	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
528	662	Phan Trung Sơn	28/10/1998	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	18	12	60.00	Đạt	16	14	53.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
529	663	Đoàn Trung Sơn	24/5/1997	Nam	Kinh	Quảng Ninh	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
530	664	Đoàn Tuấn Sơn	25/6/1997	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	20	10	66.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
531	665	Bàn Mềnh Sơn	25/7/1998	Nam	Dao	Cao Bằng	22	8	73.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
532	666	Lưu Thái Sơn	06/11/1997	Nam	Kinh	Hưng Yên	14	16	46.67	Không đạt	14	16	46.67	Không đạt	51	9	85.00	Đạt	
533	667	Nguyễn Công Sơn	03/3/1998	Nam	Mường	Phú Thọ	19	11	63.33	Đạt	14	16	46.67	Không đạt	52	8	86.67	Đạt	
534	669	Hùng Vương Sơn	13/3/1997	Nữ	Mông	Hà Giang	10	20	33.33	Không đạt	15	15	50.00	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
535	670	Cao Thanh Sơn	22/2/1997	Nam	Kinh	Quảng Bình	15	15	50.00	Đạt	13	17	43.33	Không đạt	50	10	83.33	Đạt	
536	672	Ngô Hồng Sơn	14/3/1997	Nam	Kinh	Quảng Ninh	26	4	86.67	Đạt	28	2	93.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
537	673	Võ Hồng Sơn	07/8/1999	Nam	Kinh	Phú Yên	23	7	76.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
538	674	Phạm Hùng Sơn	14/7/1999	Nam	Kinh	Hải Dương	22	8	73.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
539	675	Nông Hà Sơn	16/10/1999	Nam	Tày	Lạng Sơn	19	11	63.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
540	676	Nguyễn Thái Sơn	24/12/1999	Nam	Kinh	Thái Bình	16	14	53.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
541	677	Hồ Đắc Sun	16/6/1996	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	22	8	73.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
542	678	Lê Bùi Thanh Sương	20/9/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	22	8	73.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	

543	679	Trần Sửu	14/5/1997	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	19	11	63.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
544	680	Lê Anh Tài	10/10/1996	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	18	12	60.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
545	681	Lương Thế Tài	03/8/1997	Nam	Thái	Nghệ An	18	12	60.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
546	682	Ngô Phước Tài	29/8/1996	Nam	Kinh	Trà Vinh	18	12	60.00	Đạt	17	13	56.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
547	683	Nguyễn Đức Tài	09/09/1999	Nam	Kinh	Nghệ An	25	5	83.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
548	684	Phạm Lê Nguyên Tài	10/10/1999	Nam	Kinh	Quảng Nam	25	5	83.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
549	685	Võ Lê Minh Tài	24/12/1998	Nam	Kinh	Long An	25	5	83.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
550	686	Đỗ Thành Trí Tài	08/01/1998	Nam	Kinh	Thái Bình	25	5	83.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
551	687	Trần Thiện Tâm	24/9/1997	Nam	Kinh	Hà Nam	24	6	80.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
552	688	Phạm Ngô Thanh Tâm	08/3/81998	Nam	Kinh	Phú Yên	20	10	66.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
553	689	Vũ Nhật Tân	20/9/1998	Nam	Kinh	Thái Bình	21	9	70.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
554	690	Phan Minh Tân	01/2/1999	Nam	Kinh	Bình Định	24	6	80.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
555	691	Lê Thị Mỹ Tiên	22/2/1998	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	25	5	83.33	Đạt	25	5	83.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
556	692	Lục Thị Thủy Tiên	11/8/1998	Nữ	Tày	Cao Bằng	24	6	80.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
557	694	Đặng Thị Thủy Tiên	15/5/1999	Nữ	Kinh	Bình Định	23	7	76.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
558	695	Nguyễn Tiến Tiến	07/7/1996	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	23	7	76.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
559	696	Trần Mạnh Tiến	09/9/1998	Nam	Kinh	Nam Định	24	6	80.00	Đạt	26	4	86.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
560	697	Nguyễn Lê Mạnh Tiến	25/8/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	21	9	70.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
561	699	Nguyễn Thị Tiện	15/6/1996	Nữ	Kinh	Bắc Giang	24	6	80.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
562	700	Phạm Xuân Tiệp	17/9/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	24	6	80.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
563	701	Lê Hữu Tín	16/2/1997	Nam	Kinh	Đồng Tháp	25	5	83.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
564	702	Nguyễn Trọng Tín	22/12/1997	Nam	Kinh	Bình Dương	23	7	76.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
565	703	Bùi Quốc Tình	03/5/1996	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	20	10	66.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
566	704	Lê Văn Tình	02/01/1999	Nam	Kinh	Thanh Hóa	20	10	66.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	

567	705	Nguyễn Hữu Tính	07/12/1997	Nam	Kinh	Đồng Tháp	15	15	50.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
568	706	Trần Chí Toại	23/10/1997	Nam	Kinh	Cà Mau	17	13	56.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
569	707	Văn Phú Toàn	21/2/1998	Nam	Kinh	Quảng Nam	21	9	70.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
570	708	Lưu Việt Toàn	08/06/1999	Nam	Kinh	Thái Bình	21	9	70.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
571	709	Lý Phạm Toàn	12/10/1999	Nam	Dao	Bắc Kan	19	11	63.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	39	21	65.00	Đạt	
572	710	Nguyễn Trần Thanh Toàn	08/11/1999	Nam	Kinh	Thái Bình	17	13	56.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
573	711	Đinh Văn Toản	11/11/1998	Nam	Kinh	Ninh Bình	18	12	60.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
574	712	Phạm Anh Tú	20/02/1997	Nam	Kinh	Hải Phòng	17	13	56.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
575	713	Bùi Nguyễn Anh Tú	25/5/1998	Nam	Tày	Cao Bằng	15	15	50.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
576	717	Phạm Thành Tuấn	24/11/1997	Nam	Kinh	Hải Phòng	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
577	718	Hồ Hữu Tuấn	21/09/1998	Nam	Kinh	Nghệ An	21	9	70.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
578	719	Phùng Minh Tuấn	25/01/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	28	2	93.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
579	720	Đặng Minh Tuấn	20/01/1997	Nam	Kinh	Bắc Giang	26	4	86.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
580	721	Nguyễn Văn Tuấn	01/8/1995	Nam	Kinh	Quảng Bình	19	11	63.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
581	722	Phạm Minh Tuấn	20/1/1997	Nam	Kinh	Hòa Bình	21	9	70.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
582	724	Nguyễn Anh Tuấn	09/03/1998	Nam	Kinh	Quảng Bình	19	11	63.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
583	725	Đào Anh Tuấn	10/8/1999	Nam	Kinh	Phú Thọ	19	11	63.33	Đạt	15	15	50.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
584	727	Ứng Văn Tuấn	01/3/1998	Nam	Kinh	Hưng Yên	19	11	63.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
585	729	Trịnh Anh Tuấn	29/8/1999	Nam	Kinh	Thái Bình	20	10	66.67	Đạt	16	14	53.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
586	730	Phan Phú Túc	17/7/1998	Nam	Kinh	Cà Mau	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
587	731	La Văn Tuệ	17/9/1996	Nam	Tày	Yên Bái	13	17	43.33	Không đạt	12	18	40.00	Không đạt	47	13	78.33	Đạt	
588	732	Mai Xuân Tùng	12/9/1996	Nam	Kinh	Nam Định	17	13	56.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	38	22	63.33	Đạt	
589	734	Hà Hoàng Tùng	25/8/1997	Nam	Kinh	Hà Nam	21	9	70.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
590	735	Tòng Thanh Tùng	07/5/1998	Nam	Thái	Sơn La	20	10	66.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	43	17	71.67	Đạt	

591	736	Nguyễn Lưu Tùng	28/01/1998	Nam	Kinh	Bắc Ninh	17	13	56.67	Đạt	27	3	90.00	Đạt	42	18	68.33	Đạt	
592	737	Trần Nguyên Tùng	12/9/1999	Nam	Kinh	Hà Nam	16	14	53.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	41	19	88.33	Đạt	
593	738	Lương Thị Tuyến	02/10/1998	Nữ	Nùng	Cao Bằng	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	53	7	90.00	Đạt	
594	739	Võ Văn Tuyến	18/11/1998	Nam	Kinh	Quảng Nam	25	5	83.33	Đạt	26	4	86.67	Đạt	54	6	81.67	Đạt	
595	740	Lục Thị Tuyến	05/9/1997	Nữ	Nùng	Cao Bằng	16	14	53.33	Đạt	27	3	90.00	Đạt	49	11	90.00	Đạt	
596	741	Nông Thị Tuyết	24/10/1997	Nữ	Tày	Cao Bằng	20	10	66.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
597	742	Ngô Thị Tuyết	12/11/1999	Nữ	Kinh	Quảng Nam	22	8	73.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
598	743	Kim Châu Thạch	27/7/1998	Nam	Khmer	Trà Vinh	22	8	73.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
599	744	Nông Hồng Thái	24/11/1997	Nam	Tày	Cao Bằng	21	9	70.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
600	745	Phạm Văn Thanh	23/02/1997	Nam	Kinh	Bình Định	23	7	76.67	Đạt	16	14	53.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
601	746	Nguyễn Kim Thanh	04/6/1997	Nam	Kinh	Bình Định	23	7	76.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
602	747	Lê Thị Thanh Thanh	05/8/1995	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	23	7	76.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
603	749	Phạm Đức Thanh	07/3/1998	Nam	Kinh	Hà Nam	17	13	56.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
604	750	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	12/5/1999	Nam	Kinh	Bình Định	18	12	60.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
605	751	Tô Tiến Thành	10/6/1997	Nam	Tày	Cao Bằng	21	9	70.00	Đạt	29	1	96.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
606	752	Hoàng Chí Thành	10/7/1998	Nam	Kinh	Thanh Hóa	23	7	76.67	Đạt	29	1	96.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
607	753	Lê Đức Thành	20/02/1998	Nam	Kinh	Bắc Ninh	21	9	70.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
608	754	Vũ Huy Thành	18/5/1997	Nam	Kinh	Ninh Bình	20	10	66.67	Đạt	30	0	100.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
609	755	Nguyễn Tiến Thành	28/11/1998	Nam	Kinh	Hải Phòng	19	11	63.33	Đạt	30	0	100.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
610	756	Phạm Trung Thành	10/11/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	17	13	56.67	Đạt	15	15	50.00	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
611	757	Lưu Công Thành	17/12/1999	Nam	Kinh	Hải Dương	18	12	60.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
612	758	Trần Quang Thành	13/01/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	16	14	53.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
613	759	Đặng Văn Thành	08/2/1999	Nam	Kinh	Ninh Bình	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
614	761	Nguyễn Phương Thảo	05/6/1998	Nữ	H-rê	Quảng Ngãi	18	12	60.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	

615	762	Trương T. Hương Thảo	16/5/1998	Nữ	Tày	Lạng Sơn	18	12	60.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
616	763	Trần Thị Phương Thảo	20/02/1998	Nữ	Kinh	Quảng Bình	19	11	63.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
617	764	Phan Thu Thảo	07/8/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	21	9	70.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
618	765	Hồ Thạch Thảo	20/8/1997	Nữ	Kinh	Nghệ An	19	11	63.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
619	768	Lê Dương Phương Thảo	10/12/1998	Nữ	Kinh	Quảng Trị	20	10	66.67	Đạt	29	1	96.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
620	769	Nông Phương Thảo	04/7/1998	Nữ	Tày	Cao Bằng	22	8	73.33	Đạt	29	1	96.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
621	770	Nguyễn Thị Thảo	7/5/1997	Nữ	Kinh	Hà Nội	18	12	60.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
622	771	Lại Lê Thị Phương Thảo	25/9/1997	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	22	8	73.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
623	772	Trần Duy Thảo	25/3/1998	Nam	Kinh	Quảng Nam	22	8	73.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
624	773	Phạm Thị Thu Thảo	10/11/1998	Nữ	Kinh	Hưng Yên	23	7	76.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
625	774	Trần Thị Phương Thảo	14/5/1996	Nữ	Kinh	Ninh Bình	17	13	56.67	Đạt	26	4	86.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
626	775	Lê Thị Hải Thảo	26/2/1996	Nữ	Kinh	Gia Lai	19	11	63.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
627	776	Lâm Phương Thảo	13/6/1997	Nữ	Kinh	Quảng Bình	21	9	70.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
628	777	Nguyễn Lê Thạch Thảo	26/1/1998	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	20	10	66.67	Đạt	17	13	56.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
629	778	Nguyễn Phương Thảo	01/2/1997	Nữ	Nùng	Bắc Giang	18	12	60.00	Đạt	13	17	43.33	Không đạt	35	25	58.33	Đạt	
630	779	Nguyễn Thị Hồng Thảo	24/5/1997	Nữ	Kinh	Phú Yên	21	9	70.00	Đạt	27	3	90.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
631	780	Phạm Ngọc Thảo	18/9/1999	Nữ	Tày	Hà Nội	16	14	53.33	Đạt	28	2	93.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
632	781	Nguyễn Thị Thảo	31/10/1999	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	19	11	63.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
633	782	Vy Thị Hồng Thảo	16/12/1999	Nữ	Tày	Lạng Sơn	22	8	73.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	58	2	96.67	Đạt	
634	783	Trương Thị Phương Thảo	28/11/1999	Nữ	Sán Dìu	Bắc Giang	20	10	66.67	Đạt	26	4	86.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
635	784	Ma Phương Thảo	18/3/1999	Nữ	Tày	Bắc Kạn	17	13	56.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
636	785	Nguyễn Thị Phương Thảo	23/03/1999	Nữ	Kinh	Bắc Giang	16	14	53.33	Đạt	25	5	83.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
637	786	Hoàng Thị Phương Thảo	19/3/1999	Nữ	Tày	Cao Bằng	20	10	66.67	Đạt	27	3	90.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
638	787	Đinh Hoàng Phương Thảo	27/11/1999	Nữ	Kinh	Hải Phòng	18	12	60.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	46	14	76.67	Đạt	

639	788	Đinh Huyền Thảo	26/12/1997	Nữ	Kinh	Hòa Bình	14	16	46.67	Không đạt	22	8	73.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
640	789	Nguyễn Thị Thắm	16/7/1996	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	20	10	66.67	Đạt	26	4	86.67	Đạt	40	20	66.67	Đạt	
641	791	Phạm Ngọc Thắng	24/12/1997	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	17	13	56.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
642	792	Lê Ngọc Thắng	30/12/1997	Nam	Kinh	Thanh Hóa	22	8	73.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
643	793	Nguyễn Chánh Thắng	9/12/1997	Nam	Kinh	Bình Định	23	7	76.67	Đạt	26	4	86.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
644	794	Vũ Quyết Thắng	29/7/1999	Nam	Kinh	Nam Định	20	10	66.67	Đạt	26	4	86.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
645	795	Nguyễn Quốc Thắng	25/11/1999	Nam	Kinh	Phú Yên	17	13	56.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
646	797	Giàng A Thềnh	08/4/1995	Nam	Mông	Lai Châu	21	9	70.00	Đạt	Miễn thi			Đạt	49	11	81.67	Đạt	Miễn thi NN
647	798	Phạm Ngọc Thiên	21/11/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	17	13	56.67	Đạt	26	4	86.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
648	799	Nguyễn Duy Thiên	12/12/1997	Nam	Kinh	Nam Định	15	15	50.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
649	800	Lê Thiện	15/8/1998	Nam	Kinh	Bắc Giang	16	14	53.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
650	801	Nguyễn Phúc Thiện	15/2/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
651	802	Nguyễn Văn Thịnh	30/11/1997	Nam	Kinh	Quảng ngãi	18	12	60.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
652	805	Lê Đức Thọ	23/02/1999	Nam	Kinh	Quảng Bình	19	11	63.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
653	806	Quách Thị Thoa	24/01/1995	Nữ	Mường	Hòa Bình	20	10	66.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
654	807	Nguyễn Thanh Thoãng	12/7/1997	Nữ	Kinh	Cà Mau	10	20	33.33	Không đạt	19	11	63.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
655	809	Bùi Thị Thiên Thu	25/11/81997	Nữ	Mường	Hòa Bình	20	10	66.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
656	810	Nguyễn Thị Thu	02/5/1997	Nữ	Kinh	Nghệ An	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
657	811	Ngô Thị Thu	27/6/1997	Nữ	Kinh	Quảng Trị	9	21	30.00	Không đạt	20	10	66.67	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
658	814	Lê Thị Thùy	10/12/1997	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	21	9	70.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
659	816	Trần Thị Như Thùy	14/04/1998	Nữ	Kinh	Quảng Nam	20	10	66.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
660	817	Nông Thị Thủy	22/12/1997	Nữ	Tày	Yên Bái	16	14	53.33	Đạt	17	13	56.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
661	819	Hoàng Thị Thu Thủy	11/8/1997	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	18	12	60.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
662	820	Bùi Thị Thu Thủy	14/06/1999	Nữ	Kinh	Quảng Bình	19	11	63.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	

663	821	Lê Thị Thủy	13/8/1998	Nữ	Kinh	Bắc Giang	13	17	43.33	Không đạt	20	10	66.67	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
664	823	Lâm Ngọc Thúy	27/9/1999	Nữ	Tày	Tuyên Quang	18	12	60.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
665	824	Hoàng Hữu Thuyên	29/8/1999	Nam	Tày	Bắc Kạn	19	11	63.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
666	825	Vỳ Huỳnh Anh Thư	17/11/1998	Nữ	Kinh	Lạng Sơn	11	19	36.67	Không đạt	22	8	73.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
667	827	Trần Anh Thư	20/4/1997	Nam	Dao	Thanh Hóa	15	15	50.00	Đạt	16	14	53.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
668	828	Lê Thị Thương	16/01/1999	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	19	11	63.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
669	830	Nông Quý Thưởng	16/12/1997	Nam	Tày	Cao Bằng	10	20	33.33	Không đạt	25	5	83.33	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
670	831	Hồ Nguyên Thy	31/12/1999	Nữ	Kinh	Phú Yên	15	15	50.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
671	832	Lê Thanh Trà	30/11/1999	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	19	11	63.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
672	833	Cao Thị Danh Trà	21/11/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	23	7	76.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
673	834	Nguyễn Thị Trang	20/9/1996	Nữ	Kinh	Ninh Bình	15	15	50.00	Đạt	15	15	50.00	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
674	835	Trương Thị Minh Trang	28/9/1997	Nữ	Kinh	Bắc Giang	16	14	53.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
675	836	Lê Thị Kiều Trang	14/3/1996	Nữ	Kinh	Hưng Yên	15	15	50.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	42	18	70.00	Đạt	
676	837	Doãn Thị Thu Trang	15/8/1997	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	20	10	66.67	Đạt	27	3	90.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
677	838	Nguyễn Thị Thu Trang	22/4/1998	Nữ	Kinh	Hưng Yên	21	9	70.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
678	839	Vũ Thị Thảo Trang	21/11/1998	Nữ	Kinh	Nam Định	20	10	66.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
679	840	Nguyễn Thị Vân Trang	02/10/1998	Nữ	Tày	Ninh Bình	16	14	53.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
680	841	Nguyễn Thị Huyền Trang	11/04/1997	Nữ	Tày	Hà Nam	20	10	66.67	Đạt	29	1	96.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
681	842	Đặng Thùy Trang	29/11/1998	Nữ	Tày	Thái Bình	18	12	60.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
682	843	Huỳnh Thị Diễm Trang	24/2/1998	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	17	13	56.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	56	4	93.33	Đạt	
683	846	Hoàng Thu Trang	27/5/1998	Nữ	Tày	Lạng Sơn	17	13	56.67	Đạt	23	7	76.67	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
684	848	Trần Thị Thùy Trang	28/2/1998	Nữ	Kinh	Kiên Giang	13	17	43.33	Không đạt	15	15	50.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
685	850	Lê Thị Trang	11/10/1999	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	18	12	60.00	Đạt	17	13	56.67	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
686	851	Võ Huyền Trang	24/10/1998	Nữ	Kinh	Cà Mau	14	16	46.67	Không đạt	18	12	60.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	

687	852	Đoàn Thị Thùy Trang	28/8/1999	Nữ	Kinh	Quảng Trị	20	10	66.67	Đạt	18	12	60.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
688	853	Nguyễn Vũ Thu Trang	10/3/1999	Nữ	Kinh	Thái Bình	14	16	46.67	Không đạt	18	12	60.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
689	854	Đoàn Thùy Trang	19/5/1999	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	17	13	56.67	Đạt	15	15	50.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
690	855	Nông Thị Minh Trang	02/11/1999	Nữ	Tày	Cao Bằng	14	16	46.67	Không đạt	20	10	66.67	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
691	856	Đinh Phan Thùy Trang	14/2/1998	Nữ	Mường	Sơn La	13	17	43.33	Không đạt	12	18	40.00	Không đạt	40	20	66.67	Đạt	
692	857	Thang Vân Trang	21/03/1999	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	15	15	50.00	Đạt	27	3	90.00	Đạt	44	16	73.33	Đạt	
693	859	Đậu Thị Trang	20/9/1999	Nữ	Kinh	Nghệ An	15	15	50.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
694	860	Nguyễn Thị Hà Trang	24/8/1999	Nữ	Kinh	Thái Bình	21	9	70.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
695	861	Ngô Ngọc Trâm	11/6/1998	Nữ	Tày	Lạng Sơn	18	12	60.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
696	862	Vương Thị Thu Hoài Trâm	01/6/1997	Nữ	Kinh	Nghệ An	19	11	63.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
697	863	Doãn Thị Ngọc Trâm	5/8/1999	Nữ	Kinh	Quảng Bình	16	14	53.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
698	864	Phan Thị Bảo Trân	22/01/1996	Nữ	Kinh	Phú Yên	19	11	63.33	Đạt	25	5	83.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
699	869	Võ Thị Ngọc Trinh	14/8/1996	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	18	12	60.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
700	870	Bùi Thị Phương Trinh	08/01/1999	Nữ	Kinh	Quảng Nam	21	9	70.00	Đạt	25	5	83.33	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
701	871	Nguyễn Thị Huỳnh Trúc	24/01/1997	Nữ	Kinh	Bình Định	15	15	50.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
702	872	Mai Quang Trung	28/8/1996	Nam	Kinh	Hà Nội	16	14	53.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	47	13	78.33	Đạt	
703	874	Hoàng Bảo Trung	18/7/1998	Nam	Kinh	Nam Định	15	15	50.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
704	875	Bùi Huy Trung	02/11/1998	Nam	Kinh	Nam Định	17	13	56.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
705	877	Nguyễn Đình Trung	26/2/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	20	10	66.67	Đạt	19	11	63.33	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
706	878	Trần Danh Trung	01/10/1998	Nam	Kinh	Hưng Yên	14	16	46.67	Không đạt	18	12	60.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
707	879	Trần Trung Trực	25/9/1995	Nam	Kinh	Bạc Liêu	15	15	50.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
708	880	Huỳnh Hữu Huy Trường	8/12/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	15	15	50.00	Đạt	11	19	36.67	Không đạt	48	12	80.00	Đạt	
709	881	Phan Nhật Trường	3/3/1998	Nam	Tày	Hưng Yên	15	15	50.00	Đạt	22	8	73.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
710	882	Hà Xuân Trường	07/09/1998	Nam	Mường	Thanh Hóa	21	9	70.00	Đạt	15	15	50.00	Đạt	44	16	73.33	Đạt	

711	883	Hoàng Minh Trường	14/11/1999	Nam	Tày	Lào Cai	15	15	50.00	Đạt	19	11	63.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
712	884	Mạc Thị Tú Uyên	05/12/1997	Nữ	Thái	Nghệ An	16	14	53.33	Đạt	20	10	66.67	Đạt	56	4	93.33	Đạt	
713	885	Dương Thị Uyên	15/4/1998	Nữ	Nùng	Bắc Giang	19	11	63.33	Đạt	25	5	83.33	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
714	886	Tô Phương Uyên	21/3/1999	Nữ	Kinh	Bình Định	16	14	53.33	Đạt	24	6	80.00	Đạt	41	19	68.33	Đạt	
715	887	Nguyễn Đình Văn	10/4/1999	Nam	Kinh	Long An	17	13	56.67	Đạt	12	18	40.00	Không đạt	45	15	75.00	Đạt	
716	888	Hoàng Thị Cẩm Vân	02/01/1998	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	18	12	60.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
717	889	Nguyễn Thị Thanh Vân	26/5/1998	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	19	11	63.33	Đạt	22	8	73.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
718	890	Nguyễn Thị Khánh Vân	24/10/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	16	14	53.33	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
719	894	Đoàn Thị Hải Vân	03/02/1999	Nữ	Kinh	Quảng Bình	16	14	53.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
720	896	Nguyễn Công Viên	13/6/1999	Nữ	Kinh	Quảng Nam	17	13	56.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
721	897	Nguyễn Thị Thùy Viên	24/12/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	18	12	60.00	Đạt	23	7	76.67	Đạt	50	10	83.33	Đạt	
722	898	Vũ Tuấn Việt	13/5/1997	Nam	Kinh	Hưng Yên	20	10	66.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
723	899	Nguyễn Anh Tuấn Việt	24/11/1996	Nam	Kinh	Bắc Giang	11	19	36.67	Không đạt	20	10	66.67	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
724	900	Phó Quốc Việt	08/5/1998	Nam	Kinh	Hưng Yên	14	16	46.67	Không đạt	18	12	60.00	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
725	901	Nguyễn Đình Việt	18/8/1999	Nam	Kinh	Thanh Hóa	24	6	80.00	Đạt	30	0	100.00	Đạt	56	4	93.33	Đạt	
726	902	Tạ Tiến Việt	01/12/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	15	15	50.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
727	903	Hà Thế Việt	28/4/81997	Nam	Kinh	Bình Định	21	9	70.00	Đạt	18	12	60.00	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
728	905	Ngô Quang Vinh	06/11/1999	Nam	Kinh	Quảng Ninh	20	10	66.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	45	15	75.00	Đạt	
729	907	Ngô Thế Vinh	17/8/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	18	12	60.00	Đạt	13	17	43.33	Không đạt	49	11	81.67	Đạt	
730	908	Lầu Văn Vũ	12/12/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	20	10	66.67	Đạt	24	6	80.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
731	909	Đào Quang Vũ	05/11/1999	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	21	9	70.00	Đạt	27	3	90.00	Đạt	52	8	86.67	Đạt	
732	910	Ngô Văn Vũ	21/10/1998	Nam	Kinh	Quảng Bình	15	15	50.00	Đạt	20	10	66.67	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
733	911	Hán Văn Vui	07/2/1998	Nam	Chăm	Ninh Thuận	17	13	56.67	Đạt	20	10	66.67	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
734	912	Lý Thị Vượng	28/8/1995	Nữ	Nùng	Hà Giang	14	16	46.67	Không đạt	15	15	50.00	Đạt	45	15	75.00	Đạt	

735	913	Nguyễn Thị Thùy Vy	19/5/1997	Nữ	Kinh	Nghệ An	20	10	66.67	Đạt	21	9	70.00	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
736	914	Đinh Huyền Vy	24/2/1998	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	23	7	76.67	Đạt	29	1	96.67	Đạt	54	6	90.00	Đạt	
737	915	Nguyễn Nhật Linh Vy	20/11/1998	Nữ	Kinh	Quảng Bình	26	4	86.67	Đạt	29	1	96.67	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
738	916	Lương Khánh Vy	17/2/1999	Nữ	Kinh	Quảng Nam	19	11	63.33	Đạt	21	9	70.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
739	918	Vừ A Xa	05/3/1998	Nam	Mông	Điện Biên	19	11	63.33	Đạt	19	11	63.33	Đạt	57	3	95.00	Đạt	
740	919	Trần Viễn Xuân	22/10/1997	Nữ	Kinh	Quảng Nam	20	10	66.67	Đạt	28	2	93.33	Đạt	57	3	95.00	Đạt	
741	920	Lê Minh Xuân	18/01/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	18	12	60.00	Đạt	21	9	70.00	Đạt	55	5	91.67	Đạt	
742	921	Nguyễn Thị Xuân	10/11/1997	Nữ	Kinh	Thái Bình	13	17	43.33	Không đạt	19	11	63.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
743	922	Phạm Chí Xuân	30/4/1999	Nam	Kinh	Long An	18	12	60.00	Đạt	24	6	80.00	Đạt	51	9	85.00	Đạt	
744	923	Phan Ngọc Ý	16/9/1999	Nữ	Kinh	Cà Mau	20	10	66.67	Đạt	22	8	73.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
745	924	Hoàng Thị Phi Yến	30/7/1996	Nữ	Kinh	Nghệ An	19	11	63.33	Đạt	16	14	53.33	Đạt	53	7	88.33	Đạt	
746	925	Đỗ Hoàng Yến	6/12/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	13	17	43.33	Không đạt	19	11	63.33	Đạt	46	14	76.67	Đạt	
747	926	Lương Thị Yến	26/2/1996	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	19	11	63.33	Đạt	18	12	60.00	Đạt	38	22	63.33	Đạt	
748	927	Đinh Hoàng Yến	24/12/1999	Nữ	Tày	Bắc Giang	16	14	53.33	Đạt	17	13	56.67	Đạt	43	17	71.67	Đạt	
749	928	Đinh Thị Hải Yến	23/7/1999	Nữ	Kinh	Ninh Bình	20	10	66.67	Đạt	15	15	50.00	Đạt	48	12	80.00	Đạt	
750	929	Đoàn Hoàng Yến	29/01/1999	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	20	10	66.67	Đạt	25	5	83.33	Đạt	49	11	81.67	Đạt	
751	930	Nguyễn Hải Yến	29/12/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	21	9	70.00	Đạt	28	2	93.33	Đạt	50	10	83.33	Đạt	